

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025 - 2026
NHÀ TRẺ 24-36 THÁNG, LỚP NHÀ TRẺ A
Giáo viên thực hiện: Đoàn Thị Dinh

Tên mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Chủ đề thực hiện	Nội dung – Hoạt động giáo dục
		Bé và Các bạn	
I. Giáo dục phát triển thể chất			
a) Phát triển vận động			
1. Thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp			
MT1	1. Thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng/bụng và chân hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát, tập kết hợp với các dụng cụ (tập với gậy, với vòng, giải lụa) Làm quen với một số bài tập thể dục nhịp điệu, Erobic, Yoga theo từng chủ đề	☆	Thực hiện các động tác hô hấp, nhóm tay, lưng, bụng, lườn, chân trong giờ thể dục sáng và bài tập phát triển chung giờ hoạt động phát triển thể chất. Thể dục sáng (Thứ 5 HP đứng lớp) * BTPTC - Hô hấp: Tập hít vào thở ra. - Tay: Đưa 2 tay ra trước, hạ xuống (Tập 2Lx4N) - Bụng: Cúi người về phía trước (Tập 2Lx4N) - Chân: Ngồi xổm đứng lên (Tập 2Lx4N) - Tuần 3+4 Cho trẻ làm quen tập kết hợp với lời bài hát " Cô và mẹ"
2. Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu			

MT2	2.1. Giữ được thăng bằng trong vận động đi/ chạy, bật/nhảy, thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bề vật trên tay.	✓	- Đi trong đường hẹp. - Nhún bật về phía trước
MT5	2.4. Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động chuyền, ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m).	✓	Ném xa bằng 1 tay về phía trước Đá bóng về phía trước
3. Thực hiện vận động cử động của bàn tay, ngón tay			
MT6	3.1. Vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện “múa khéo”.	✓	- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, vẫy tay, nhào, nhón nhặt đồ vật, khuấy, đảo. - Vò, xé, - Tập khâu, luồn dây. - Buộc dây. - Múa theo nhạc - Tập cài, cởi cúc, cởi khuy * HĐC: + Dạy trẻ kỹ năng cài, cởi cúc áo (AD Montessori)
MT7	3.3. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay-mắt trong các hoạt động:	✓	- Đóng cọc bàn gỗ - Chắp ghép hình. - Xếp cạnh, chồng 3-4 khối - Tập cầm bút di màu - Lật mở trang sách. - Tô, vẽ * HĐC: + Dạy trẻ kỹ năng cầm bút màu + Làm bài tập trong vở tạo hình + Dạy trẻ cách mở sách
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			

1. Có một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt

MT9	1.1. Thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau. Biết tên một số món ăn hàng ngày, một số món ăn trong ngày lễ tết, địa phương. Biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh.	✓	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. - Luyện một số nề nếp thói quen tốt trong ăn uống (mời cô trước khi ăn, ăn từ tốn, không làm rơi vãi, tự xúc ăn, nhặt thức ăn rơi vãi vào đĩa , ăn không nói chuyện , xin cô cơm, canh) - Nhận biết một số món ăn thực phẩm đặc trưng của địa phương * Tổ chức giờ ăn + Bước đầu trẻ làm quen và thực hiện chế độ, giờ giấc ăn cơm ở trường. + Động viên trẻ ăn cơm, ăn các loại thức ăn khác nhau và ăn hết xuất của mình + Luyện một số nề nếp thói quen tốt trong ăn uống (mời cô trước khi ăn, ăn từ tốn, không làm rơi vãi, tự xúc ăn, nhặt thức ăn rơi vãi vào đĩa , ăn không nói chuyện , xin cô cơm, canh) + Nhận biết một số món ăn thực phẩm đặc trưng của địa phương
MT10	1.2. Ngủ 1 giấc buổi trưa.	✓	- Luyện thói quen ngủ một giấc trưa ở trường. + Giờ ngủ: Tập cho trẻ ngủ 1 giấc, ngủ đúng, đủ thời gian
MT11	1.3. Luyện một số nề nếp thói quen tốt trong sinh hoạt.	✓	- Rèn một số thói quen tốt trong vệ sinh cá nhân; tập rửa tay, tập tụt quần và kéo quần khi đi vệ sinh - Luyện thói quen tốt trong ăn uống: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn, lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn. * Hoạt động mọi lúc mọi nơi

			+ Dạy trẻ có thói quen tốt khi vệ sinh cá nhân như: rửa tay, lau mặt + Rèn cho trẻ có thói quen tốt trong ăn uống: ăn chín uống chín và có một số kỹ năng rửa tay trước khi ăn, lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn....
2. Thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe			
MT12	2.1. Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn. Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.	✓	Luyện tập một số kỹ năng tự phục vụ: Tự chùi mũi; Tự cầm cốc uống nước; Tự xúc cơm ăn; nhặt cơm rơi vào đĩa, biết để bát vào rổ ... - Mặc quần áo, đi dép... - Vứt rác vào thùng rác - Tập cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt. - Rèn luyện một số thói quen, thao tác đơn giản trong việc bảo vệ cơ thể như rửa tay, lau mặt, bảo vệ mắt... - Chuẩn bị chỗ ngủ. * Dạy trẻ mọi lúc mọi nơi trong giờ đón trẻ trẻ, vệ sinh hàng ngày + Dạy trẻ KN cất balô, giày dép đúng nơi quy định + Hướng dẫn trẻ thực hiện một số quy định của lớp
MT13	2.2. Trẻ biết chấp nhận: Đội mũ khi ra nắng; Đi giày dép; Mặc quần áo ấm khi trời lạnh. Có một số hành vi tốt trong vệ sinh phòng bệnh khi được nhắc nhở: vệ sinh răng miệng, chăm sóc và bảo vệ mắt.	✓	- Chấp nhận các thói quen: + Đội mũ khi ra nắng. + Đi giày dép, mặc quần áo ấm khi trời lạnh. * HĐ trò chuyện - Mọi lúc mọi nơi + Dạy trẻ có thói quen đội mũ khi trời nắng và đi dép, giày, mặc quần áo dài khi ra ngoài ra nắng + Giáo dục trẻ biết đội mũ, đi dép trong các hoạt động.
3. Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn			

MT16	3.2. Biết và tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở.	✓	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh như: Leo trèo lên lan can, chơi nghịch các đồ sắc nhọn - Biết gọi người khác giúp đỡ khi gặp guy hiểm như: Leo trèo lên cao khi không có người lớn; Khi bị ngã; Bị các vật sắc nhọn làm xây xước và chảy máu... - Không ra khỏi lớp, ra khỏi khu vực cổng trường khi không có cô giáo hoặc người thân.; Không đi theo người lạ; - Không cho các đồ vật như hạt gạo, đất, nặn, xúc xắc vào trong miệng, mũi, tai... của mình và của bạn * Đón trẻ - trả trẻ - Dạy trẻ mọi lúc mọi nơi + Trò chuyện với trẻ về những hành động nguy hiểm khi tham gia giao thông , những nơi cần tránh... + Trò chuyện nhắc nhở trẻ không leo trèo lan can và chơi với đồ sắc nhọn... + Không ra khỏi lớp một mình, không cho vật nhỏ vào tai, mũi; * HĐNT + Quan sát trải nghiệm các đồ chơi trải nghiệm ngoài hành lang của lớp. * HĐC + Dạy trẻ nhận biết một số nơi nguy hiểm cần tránh trong trường ,lớp
------	--	---	--

II. Giáo dục phát triển nhận thức

2. Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi

MT18	2.1. Nói được tên, đặc điểm của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.	✓	- Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. - Tên cô giáo, các bạn, nhóm lớp. * HĐH:
------	---	---	---

			+ Nhận biết: Mắt - Miệng + Nhận biết bạn trai - bạn gái + Nhận biết các cô trong lớp * CNT: + Quan sát và trò chuyện về một số bộ phận trên cơ thể + Thăm quan lớp Nhà trẻ B * HĐC + Hướng dẫn trẻ giới thiệu về bản thân
MT21	2.4. Nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.	☆	Tên, chức năng chính của một số bộ phận trên cơ thể: Mắt; Mũi; miệng; tay; chân, mái tóc, Hoạt động nhận biết: a, Nhận biết : Mắt- miệng b, VĐ: Ô sao bé không lắc * HĐH + Nhận biết bạn trai bạn gái
MT23	2.6. Chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/xanh lá cây, xanh dương, hồng, cam, tím, hình tròn, hình vuông, tam giác, chữ nhật theo yêu cầu.	✓	- Màu đỏ, màu xanh dương * HĐH: + Nhận biết màu đỏ, màu xanh dương * Dạy trẻ mọi lúc mọi nơi + Trò chuyện và dạy trẻ nhận biết tất cả các màu ở mọi lúc mọi nơi và lồng ghép vào các hoạt động trong chủ đề. + Dạy trẻ nói tên màu vàng bằng tiếng anh * Chơi ở các góc + Cho trẻ xem tranh và nhận biết màu

MT26	- Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. ... thực hành một số thí nghiệm đơn giản ứng dụng phương pháp Steam.	✓	- Chơi, bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi; Bé em; Cho em ăn; Ru em ngủ... - Chơi và sử dụng được đồ dùng đồ chơi các góc, đồ dùng học tập... * CNT: + Bé làm thí nghiệm vật chìm, nổi (ADPP Steam)
------	---	---	--

III. Giáo dục phát triển ngôn ngữ

1. Nghe hiểu lời nói

MT28	1.2. Hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.	✓	- Nghe các bài thơ, truyện ngắn, câu đố * HĐH: + Truyện Vịt con đi học, Truyện: Đôi bạn nhỏ, + Thơ : Cô dạy
------	---	---	--

2. Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu

MT29	2.1. Phát âm rõ tiếng.	✓	Nghe phát âm rõ các tiếng khác nhau, phát âm chuẩn L-N * Trò chuyện: -Yêu cầu trẻ phát âm các tiếng về đặc điểm của các loại đồ dùng đồ chơi, cô giáo, các bạn ở lớp mình * Dạy trẻ mọi lúc mọi nơi. - Dạy trẻ nói to rõ ràng, đủ nghe trong các hoạt động và sinh hoạt trong ngày ở lớp, thông qua các bài thơ, câu chuyện dạy trẻ phát âm chuẩn l,n
MT30	2.2. Đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.	✓	- Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3–4 tiếng. - Đọc các bài ca dao, đồng dao, hò về đơn giản.

			* Dạy trẻ mọi lúc mọi nơi trong các giờ đón trả trẻ, chơi các góc....
3. Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp			
MT31	3.1. Nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc. Nói được một số từ tiếng anh đơn giản	✓	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp. - Xem tranh, hình ảnh, video và gọi tên các sự vật, hoạt động của địa phương trong tranh * Trò chuyện: - Yêu cầu trẻ trả lời các câu hỏi của cô về tên, đặc điểm của mình, của bạn, cô giáo và đồ dùng đồ chơi, gia đình của bé. * Trong tất cả các hoạt động. - Dạy trẻ nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc. - Nói được một số từ tiếng anh đơn giản
MT32	<i>Trẻ nhận ra và gọi tên ký hiệu thông thường</i>	✓	- Làm quen với 1 số ký hiệu các hình, đồ vật, con vật, chữ cái (ca cốc, khăn mặt, bảng bé đến lớp...) - Ký hiệu nhà vệ sinh * Dạy mọi lúc mọi nơi
MT33	3.2. Sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: -Chào hỏi, trò chuyện. -Bày tỏ nhu cầu của bản thân. -Hỏi về các vấn đề quan tâm như: con gì đây? cái gì đây?, ...	☆	- Tập thói quen chào hỏi lễ phép - Trò chuyện với trẻ về đồ chơi phát ra tiếng kêu. - Trò chuyện với trẻ bằng một số bức ảnh chụp trẻ chơi ở lớp, bức ảnh cá nhân trẻ. - Trò chuyện với trẻ về đôi mắt, cách giữ vệ sinh cho đôi mắt - Trò chuyện với trẻ để tạo cho trẻ tình huống và tâm thế vui vẻ, muốn nói chuyện và bày tỏ nhu cầu của mình với cô và chơi cùng bạn

			- Trả lời và đặt câu hỏi: “cái gì”, “làm gì”, “ở đâu”, “thế nào”, “tại sao”, “để làm gì”. Đón trẻ - Trò chuyện (Thứ 5 HP đúng lớp) * Đón trả trẻ, trò chuyện - Hoạt động mọi lúc mọi nơi + Cho trẻ chơi và trò chuyện với trẻ về các loại đồ chơi phát ra tiếng kêu + Trò chuyện với trẻ về những tấm ảnh của trẻ chụp cá nhân, đi chơi, du lịch cùng gia đình - Thường xuyên nhắc nhở trẻ giữ vệ sinh đôi mắt sạch sẽ. + Trò chuyện cùng trẻ về đồ dùng, đồ chơi của trẻ bằng các câu hỏi “ Cái gì đây, màu gì?...” - Thường xuyên trò chuyện gửi cùng trẻ cũng như tổ chức nhiều các trò chơi tạo sự thoải mái, vui vẻ để trẻ tham gia hoạt động cũng như tạo cơ hội cho trẻ được bày tỏ nhu cầu của mình là thích chơi góc nào và chơi trò chơi gì? + Yêu cầu trẻ trả lời các câu hỏi, nói ra yêu cầu của mình với cô, bạn.
MT35	<i>3.4. Trẻ biết lắng nghe khi người lớn đọc sách, biết giờ sách, xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.</i>	✓	- Lắng nghe khi người lớn đọc sách, biết giờ sách đúng chiều. - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh * Hoạt động mọi lúc mọi nơi + Rèn trẻ có nề nếp chú ý lắng nghe khi cô đọc hay kể chuyện. + Cho trẻ xem tranh ảnh, gọi tên các nhân vật trong tranh.
MT36	<i>3.5. Trẻ nói tên, hoạt động một số ngày hội, ngày lễ và lễ hội của địa phương.</i>	✓	- Tên một, hoạt động một số ngày hội, ngày lễ: Khai giảng, Trung thu, tết Nguyên đán, tết Thiếu nhi, ngày lễ hội của địa phương qua qua trò chuyện, tranh ảnh, video, các HĐ ngoại khóa tại trường, thăm quan trải nghiệm.

			* Đón trẻ- trò chuyện + _ Trò chuyện cùng trẻ về khung cảnh trang trí trường lớp, sân khấu, tâm trạng của trẻ khi năm học mới đến.
IV. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ			
1. Biểu lộ sự nhận thức về bản thân			
MT37	1.1. Nói được một vài thông tin về mình.	☆	- Nhận biết tên, một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. - TC: AloAlo - CTBC: Hướng dẫn trẻ giới thiệu về bản thân - Chơi tự chọn * Trò chuyện: - Cô Trò chuyện gợi mở hỏi trẻ để trẻ nói tên, đặc điểm của bản thân
2. Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi			
MT40	2.2. Nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi.	✓	- Biết một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận, sợ hãi. * Trò chuyện mọi lúc mọi nơi + Trò chuyện và giúp trẻ nhận biết được trạng thái cảm xúc trên khuôn mặt: vui, buồn, tức giận, sợ hãi ...
3. Thực hiện hành vi xã hội đơn giản			
MT43	3.1. Biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ.	✓	- Thực hiện một số hành vi văn hóa trong giao tiếp : Chào, cảm ơn, vâng dạ.... - Tập nói đủ nghe, không hét to. Lễ phép - Nói câu có từ « dạ vâng ạ » * CTBC: + Rèn cho trẻ có kỹ năng chào hỏi lễ phép (ADPP Montessori)

MT44	3.2. Biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...). Trẻ biết hành vi “đúng”-“sai”, “tốt” - “xấu” thông qua một số hoạt động.	✓	- Thực hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (nấu ăn, bế em...) - Tập chăm sóc cây : tưới nước cho cây, không bẻ cành lá, ngắt hoa Trẻ nhận biết hành vi “đúng”-“sai”, “tốt” - “xấu” thông qua một số hoạt động
MT45	3.3. Chơi thân thiện cạnh trẻ khác. Phối hợp cùng bạn trong nhóm chơi.	☆	- Chơi thân thiện, đoàn kết với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh dành đồ chơi với bạn,, không cầu, cắn bạn. Phối hợp cùng bạn khi chơi trong nhóm Chơi ở các góc (Thứ 5 HP đứng lớp) * Hoạt động mọi lúc mọi nơi + Cô dạy trẻ khi chơi không tranh dành đồ chơi với bạn, không tranh giành đồ chơi, không cầu, cắn bạn.... * Chơi ở các góc + Dạy trẻ chơi đoàn kết, không tranh giành đồ chơi với bạn, giúp đỡ nhau trong quá trình chơi.
4. Thể hiện cảm xúc qua hát, vận động theo nhạc/ tô màu, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh			
MT47	4.1. Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát / bản nhạc quen thuộc.	✓	- Hát và tập vận động đơn giản theo cô, theo nhạc - Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các dụng cụ. * HĐH: Âm Nhạc: - NDC: + Dạy hát: Dấu tay. + Dạy VĐ Múa: Đi học về + Nghe hát: Ngày đầu tiên đi học - NDKH: + Nghe hát: Tìm bạn thân. Càng lớn càng ngoan + TCÂN: Ai nhanh hơn

			* Đón – Trả trẻ - Cho trẻ nghe những bài hát trong chủ đề * CTBC: + Làm quen với bài hát “ Bé ngoan”
MT48	4.2. Thích tô màu, vẽ, in, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc). Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý, hướng dẫn và giúp đỡ của người lớn..	✓	- Tập cầm bút di , tô màu và vẽ nguệch ngoạc, các đường nét khác nhau. - In các hình từ màu nước - Chơi với đất nặn - Tập chấm hồ, dán - Xếp hình. - Xem tranh ảnh về các chủ đề, tranh truyện. * HĐH: Tạo hình + Di màu chiếc váy màu đỏ + Nặn quả bóng * Hoạt động với đồ vật: + Xếp đường đi đến trường mầm non. + Xếp ô tô * Chơi các góc: + Xếp đường đi, xếp ô tô + Xem tranh ảnh và tranh truyện về bé và các bạn * CTBC: + Dạy trẻ cách cầm bút sáp tập di màu
Các hoạt động không phục vụ mục tiêu			

Ban giám hiệu



07/09/2025

Đã ký số

Nguyễn Thị Diệp

Giáo viên



07/09/2025

Đã ký số

Đoàn Thị Dinh

